

Kinh nghiệm 8 quốc gia xây dựng đại học đẳng cấp thế giới

Đinh Ái Linh*

*Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh,
Khu Phố 06, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 05 tháng 12 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 01 năm 2014; chấp nhận đăng ngày 24 tháng 3 năm 2014

Tóm tắt: Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng đại học đẳng cấp thế giới của 8 nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Đức, Pháp, Nga, Canada cho thấy các nước đều có dự án xây dựng đại học đẳng cấp thế giới khá đa dạng, nhưng nội dung chủ yếu vẫn là tập trung đầu tư kinh phí để đẩy nhanh khả năng nghiên cứu khoa học của các trường đại học và các viện nghiên cứu, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút nhân tài; xây dựng các trường đại học trọng điểm, rồi nâng lên trình độ đẳng cấp thế giới; từ đó nâng cao tính cạnh tranh giáo dục đại học trên phạm vi toàn cầu.

Từ khóa: Kinh nghiệm 8 quốc gia; đại học đẳng cấp thế giới; xây dựng đại học đẳng cấp thế giới.

Mỹ, Anh là những siêu cường quốc về giáo dục, nơi xuất hiện nhiều trường đại học đẳng cấp thế giới như Đại học Harvard, Yale, Princeton, Stanford, Cambridge, đại học Oxford. Hiện nay trên thế giới có một số bảng xếp hạng nổi tiếng như bảng xếp hạng của Đại học Giao thông Thượng Hải (ARWU), bảng xếp hạng Anh (THES) và bảng xếp hạng thế giới QS, trong các bảng xếp hạng này đứng đầu trong Top 20 đa phần đều là các đại học Mỹ và Anh. Sau khi bước vào kỉ nguyên kinh tế tri thức, mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa giáo dục đại học và phát triển kinh tế, tiến bộ khoa học công nghệ. Đại học đẳng cấp thế giới không chỉ là mục tiêu quan trọng để đánh giá sự phát triển quốc gia trong giáo dục đại học mà còn là một biểu hiện quan trọng cho sức mạnh toàn diện của một quốc gia. Tuy nhiên, đại học đẳng cấp thế giới vẫn là một khái niệm mơ hồ, chưa có một tiêu chuẩn nhất định, do đó các

quốc gia trên thế giới đều hi vọng thông qua sự nỗ lực của mình xây dựng thành công đại học đẳng cấp thế giới giống như Đại học Harvard. [1] Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Đức, Pháp, Nga, Canada và các nước khác đã phân đấu đẩy nhanh tốc độ xây dựng đại học đẳng cấp thế giới để “bắt kịp” các nước như Anh, Mỹ. Quá trình xây dựng đại học đẳng cấp thế giới của các quốc gia này trong những năm gần đây rất đáng để Việt Nam nghiên cứu rút kinh nghiệm trong quá trình xây dựng đại học đẳng cấp thế giới của mình.

1. Dự án xây dựng đại học đẳng cấp thế giới của 8 nước

1.1. Trung Quốc - “Dự án 211” và “Dự án 985” (211 Project and 985 Project) [2]

Nội dung dự án:

Giữa thập kỉ 90, Trung Quốc có kế hoạch xây dựng 100 trường đại học trọng điểm trước

*ĐT: 84-942705077

Email: ailinh@vnuhcm.edu.vn

khi bước sang thế kỉ 21 - Dự án 211 ra đời. Tháng 5-1998, tại lễ kỉ niệm 100 Đại học Bắc Kinh, Chủ tịch Giang Trạch Dân tuyên bố Trung Quốc quyết tâm xây dựng đại học đẳng cấp thế giới – Dự án 985 ra đời. Thông qua Dự án 211, Trung Quốc tuyển chọn một số trường đại học để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu để trở thành đầu tàu trong việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và cạnh tranh quốc tế. Dự án 211 là một dự án giáo dục đại học được đầu tư lớn, giai đoạn 1 tổng đầu tư lên đến 18,63 tỉ RMP cho khoảng 100 trường đại học và 602 ngành học trọng điểm. Dự án 211 giai đoạn 2 được đầu tư cho 107 trường đại học với tổng đầu tư 18,7 tỉ RMP. Dự án 985 giai đoạn I tập trung đầu tư cho 34 trường đại học, Dự án 985 giai đoạn II xây dựng mới thêm 5 trường đại học. Đến năm 2009, Dự án 985 tập trung đầu tư cho 39 trường đại học.

Kết quả bước đầu:

Dự án 211 và Dự án 985 đã thu hẹp khoảng cách giữa các đại học Trung Quốc với đại học thế giới, đặc biệt là trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng nhân tài. Trung Quốc xây dựng được 99 trường đại học trọng điểm trên tổng số 1.683 trường đại học và cao đẳng công lập ở Trung Quốc. Trong số đó, 39 trường được coi là đại học có định hướng nghiên cứu mạnh mẽ, 9 trường được xây dựng trở thành đại học đẳng cấp thế giới trong đó Đại học Bắc Kinh và Đại học Thanh Hoa là hai trường đầu bảng. Thu hút các nhà khoa học Trung Quốc ở nước ngoài, cũng như nhiều nhà khoa học nước ngoài thực hiện giảng dạy và nghiên cứu tại các đại học Trung Quốc. Đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

Đặc điểm chính:

Trung Quốc muốn đưa những trường đại học hàng đầu của mình vào danh sách những trường đại học tốt nhất thế giới trong vòng một thập kỉ và chi hàng tỉ USD cho việc xây dựng

những trung tâm nghiên cứu, những phòng thí nghiệm tốt nhất. Những nỗ lực này là cái giá mà Trung Quốc sẵn sàng trả để thu hẹp khoảng các trường đại học Trung Quốc với các đại học hàng đầu trên thế giới.

Vấn đề tồn tại:

Trung Quốc đã đầu tư một số lượng lớn kinh phí, tuy nhiên việc đầu tư cơ bản đã không sử dụng theo cách thức phân bổ cạnh tranh, hơn nữa kinh phí phục vụ cho việc xây dựng phần cứng và đầu tư đầu người rất nhiều, trong khi đó kinh phí dành cho phát triển nghiên cứu khoa học chưa đầy đủ. Nguồn đầu tư sử dụng không hiệu quả, lãng phí, khó đoán biết Trung Quốc sẽ tiến triển thế nào trong việc xây dựng đại học đẳng cấp thế giới.

1.2. Nhật Bản - “Thế kỉ 21 và Chương trình COE toàn cầu” (21st Century and Global COE Program) [3]

Nội dung dự án:

Trong khuôn khổ một chương trình cải tổ sâu sắc của Chính phủ Koizumi, bản “Kế hoạch Toyama” đưa ra tháng 6-2001 nhằm tái cấu trúc giáo dục đại học. Với ý tưởng về một chương trình hỗ trợ cho “30 trường đại học tinh hoa” nhằm thúc đẩy các trường này vươn lên đẳng cấp thế giới.

Xây dựng một số trung tâm nghiên cứu khoa học chất lượng thế kỉ 21, mỗi đơn vị nghiên cứu được cấp từ 100 triệu đến 500 triệu yên Nhật, cấp liên tiếp trong vòng 5 năm [4]. Nhật Bản dựa trên những tiêu chí chất lượng khách quan làm công cụ giúp minh bạch những khoản đầu tư của Nhà nước, thúc đẩy tính cạnh tranh quốc tế mạnh mẽ của các trường đại học, tạo ra các trung tâm nghiên cứu khoa học xuất sắc mang tính quốc tế, tập trung thu hút nhân tài.

Kết quả bước đầu:

Dự án “Thế kỉ 21 và Chương trình COE” đã hỗ trợ tài chính cho 113 đơn vị nghiên cứu

thuộc 50 trường đại học (31 đại học quốc gia, 4 đại học công lập và 15 đại học tư thục) trong số 686 trường đại học (99 đại học quốc gia, 75 đại học công lập và 512 đại học tư thục). Trong vòng 5 năm mỗi đơn vị nghiên cứu được tài trợ kinh phí là 1,1 triệu USD, tổng giá trị tài trợ lên đến 1,5 tỉ USD. Dự án “Thế kỉ 21 và Chương trình COE” từ năm 2007 đến năm 2009 hỗ trợ ngân sách đạt ở mức 15,8 tỉ yên, 34 tỉ yên và 34,2 tỉ yên. [5] Dự án đã tác dụng rất lớn trong việc hoàn thiện môi trường nghiên cứu khoa học và giáo dục đại học, nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học của các trường đại học.

Đặc điểm chính:

Cơ chế cạnh tranh đã đi vào các trường đại học, thực hiện hệ thống đánh giá của bên thứ ba, tiến hành cải cách pháp nhân hóa; tập trung hỗ trợ có trọng điểm một số ngành mũi nhọn mang tính lợi thế; đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học ở các trường đại học, đào tạo và thu hút nhân tài; hỗ trợ việc thành lập một trung tâm nghiên cứu quốc tế; thúc đẩy việc cạnh tranh với các trường đại học trên thế giới.

Vấn đề tồn tại:

Các nghiên cứu của trường đại học đã mất đi tính độc lập và mang tính cá nhân; Do tác động của nguồn ngân sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học dẫn đến việc phân hóa trình độ giữa các trường đại học, xem nhẹ nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

1.3. Hàn Quốc - Dự án “Trí tuệ Hàn Quốc 21” (Brain Korea 21 Project) [6]

Nội dung dự án:

Đối với Chính phủ Hàn Quốc quan tâm đến việc thu hút hàng ngàn sinh viên Trung Quốc, Ấn Độ, và Nhật Bản từ các trường đại học Mỹ đến học, vượt qua các đối thủ Singapore, Hong Kong, Malaysia, với giấc mơ biến Hàn Quốc trở thành điểm đến hàng đầu của giáo dục đại

học khu vực Châu Á. Giai đoạn đầu (1999-2005), mỗi năm Hàn Quốc đầu tư 199,5 tỉ won (tương đương khoảng 170 triệu USD) để xây dựng đại học đẳng cấp thế giới, đồng thời nâng cao chất lượng nghiên cứu của các trường đại học xuất sắc; đầu tư cho các trường đại học có viện nghiên cứu tiềm năng, đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn; đầu tư phát triển các trường đại học với mục tiêu tăng sức cạnh tranh và đồng thời tăng sự liên kết giữa các trường đại học với các doanh nghiệp, tập trung đầu tư các dự án hợp tác giữa công nghiệp với trường đại học. Giai đoạn hai (2006-2012), đầu tư 7 năm với khoảng 2,1 tỉ USD với mục tiêu xây dựng trung tâm nghiên cứu xuất sắc, hỗ trợ các lĩnh vực nghiên cứu mũi nhọn của các trường đại học nghiên cứu, giúp cho các nhà nghiên cứu (nghiên cứu sinh, tiến sĩ, giáo sư, nghiên cứu viên...) có một môi trường học thuật tốt, yên tâm học tập và nghiên cứu nhằm nâng cao được năng lực cạnh tranh thế giới [7].

Kết quả bước đầu:

Khả năng và kết quả nghiên cứu trường đại học Hàn Quốc tăng lên đáng kể, số lượng ấn phẩm trong lĩnh vực khoa học công nghệ của Hàn Quốc được đăng trên tạp chí SCI tăng gấp 3 lần so với năm 1998, xếp hạng thế giới từ vị trí thứ 18 vào năm 1998 tăng lên vị trí thứ 12 vào năm 2005 và vị trí thứ 10 vào năm 2012. Hệ thống giáo dục đại học của Hàn Quốc chuyển thành hệ thống giáo dục đại học định hướng nghiên cứu. Điều kiện học tập và nghiên cứu của các nghiên cứu sinh không ngừng được cải thiện, số lượng thạc sĩ nhận tài trợ lên đến 38.000 người và tiến sĩ 19.000 người, đầu tư cho những lĩnh vực nghiên cứu mũi nhọn (từ năm 2003-2005, mỗi năm đầu tư 17,3 tỉ won cho 126 dự án của 126 trường đại học), tài trợ tuyển dụng 2.400 giáo sư và 3.700 sau tiến sĩ... [8].

Đặc điểm chính:

Năng lực nghiên cứu khoa học của Hàn Quốc được nâng cao, đạt thành quả rất đáng ghi

nhận. Bên cạnh đó, trình độ nghiên cứu khoa học của Hàn Quốc ngày càng tiếp cận trình độ thế giới. Hàn Quốc tạo môi trường học tập và nghiên cứu thuận lợi cho những nhà nghiên cứu trẻ, tạo mọi điều kiện, cơ hội cho họ phát huy hết tài năng. Chất lượng đào tạo trình độ tiến sĩ của Hàn Quốc ngày càng tiếp cận với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới.

Vấn đề tồn tại:

Sự phân bổ kinh phí không đồng đều tạo nên khoảng cách giữa các trường đại học hàng đầu và các trường đại học khác ngày càng xa; dẫn đến cơ cấu lại hệ thống giáo dục đại học hình chóp của Hàn Quốc; Các trường đại học tuân theo các quy định cải cách của Bộ Giáo dục Hàn Quốc dẫn đến thiếu tính độc lập và tự chủ.

1.4. Ấn Độ - kế hoạch “14 trường đại học đẳng cấp thế giới” (14 World Class Universities) [9]

Nội dung dự án:

Phát biểu tại lễ kỉ niệm ngày độc lập (23-6-2007), Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh tuyên bố sẽ xây dựng 14 trường đại học đẳng cấp thế giới như Đại học Harvard hay Đại học Cambridge nhằm nâng cao tính cạnh tranh toàn cầu của giáo dục đại học Ấn Độ. Ngày 29-3-2008, Bộ Phát triển Nguồn nhân lực công bố kế hoạch xây dựng 14 trường đại học đẳng cấp thế giới trong kế hoạch 5 năm lần thứ 11 của Ấn Độ. Ở ba tiểu bang, một số trường đại học công sẽ đặt dưới sự chỉ đạo của Chính phủ để chuyển thành đại học đẳng cấp thế giới. Ấn Độ đầu tư 73 triệu USD để xây dựng 14 trường đại học đẳng cấp thế giới. Ấn Độ cũng đã đề nghị với Anh giúp về tài chính và kĩ thuật để xây dựng đại học đẳng cấp thế giới [10].

Kết quả bước đầu:

Dự án trong giai đoạn khởi động, chưa thấy rõ kết quả bước đầu [11].

Đặc điểm chính:

Dự án có sự phối hợp giữa Chính phủ, tư nhân, cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và các trường đại học. Ấn Độ tích cực tìm kiếm sự hợp tác với các trường đại học của Hoa Kỳ, trường đại học của Anh trong xây dựng trường đại học đẳng cấp thế giới. Trường đại học đẳng cấp thế giới là những đại học đa ngành, đa lĩnh vực có các ngành tự nhiên, nhân văn, xã hội, công nghệ, y học,... Ấn Độ cũng xây dựng “Đề án hỗ trợ tiềm năng xuất sắc của trường đại học”, cung cấp cho kinh phí đặc biệt hỗ trợ giảng dạy và nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ của giảng viên và sinh viên đặc biệt là trình độ nghiên cứu của các nhà khoa học trẻ [12].

Vấn đề tồn tại:

14 trường đại học mới và mô hình xây dựng những trường đại học này, Chính phủ vẫn còn đang đắn đo, chưa xác định. Còn nhiều hạng mục của dự án vẫn chưa hoàn thành, quy hoạch dự án còn đang chờ phê duyệt, chưa khởi động. Tính hiệu quả của dự án thấp. Nguồn kinh phí xây dựng quá nhỏ (so với Trung Quốc khi đầu tư 700 triệu USD chỉ cho một trường, càng nhỏ bé so với ngân sách hoạt động của Đại học Harvard - trên 2,6 tỉ USD mỗi năm). Dự án mở rộng ở mức báo động, việc thực hiện sẽ gặp nhiều khó khăn.

1.5. Đức - “Sáng kiến về sự ưu tú” (Exzellenzinitiative) [13]

Nội dung dự án:

Trong vòng 5 năm (2006-2011), dự án đầu tư 1,9 tỉ Euro cho 10 đại học có tiềm năng trở thành những trường tinh hoa. Nguồn kinh phí bao gồm 75% do Chính phủ Liên bang cung cấp, 25% vốn do các nguồn khác [14]. Nguồn đầu tư tập trung: cho các đại học có mục tiêu trở thành đại học đẳng cấp thế giới, các trung tâm nghiên cứu khoa học ưu tú được thế giới công nhận, và các khoa đào tạo sau đại học nhằm nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo của họ.

Kết quả bước đầu:

Đến tháng 1-2006, đã chọn được 10 đại học trong số 27 ứng viên, 41 dự án về các trung tâm nghiên cứu trong số 157 dự án nộp đơn và 39 khoa đào tạo sau đại học trong số 135 khoa đăng kí [15]. Tháng 11-2008 tiếp tục đề nghị tiếp tục tăng thêm 2,7 tỉ Euro cho đến năm 2017 [16].

Đặc điểm chính:

Tập trung đầu tư cho những đại học có định hướng trở thành đại học đẳng cấp thế giới. Tăng cường đầu tư nghiên cứu khoa học của các trường đại học, chú trọng khoa học tự nhiên, nhấn mạnh sự hợp tác nghiên cứu liên ngành, lồng ghép các nguồn lực xã hội, tăng cường hợp tác các lĩnh vực khoa học và công nghệ; chú trọng thu hút nhân tài, đào tạo các nhà nghiên cứu trẻ.

Vấn đề tồn tại:

Nguồn kinh phí không thể đáp ứng được nhu cầu thực tế cho các đại học và trung tâm nghiên cứu; ít chú trọng vào các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Kinh phí đầu tư quá nhiều vào một số ít trường đại học, tăng tính cạnh tranh giữa các trường đại học của Đức đồng thời cũng tạo nên khoảng cách phát triển không đồng đều giữa các trường đại học.

*1.6. Pháp - “Kế hoạch khuôn viên nhà trường” (Plan Campus) [17]**Nội dung dự án:*

Chính phủ Pháp đầu tư 5 tỉ Euro để xây dựng 10 trung tâm giảng dạy và nghiên cứu đại học đạt “tầm thế giới”, bao gồm tổng cộng 39 trường đại học (trong tổng số 85 trường đại học trên cả nước), 37 tổ chức giáo dục đại học và các viện nghiên cứu, với 650.000 sinh viên và 21.000 nhà nghiên cứu [18]. “Kế hoạch khuôn viên nhà trường” gắn kết các trường đại học Pháp vốn dĩ bị manh

mún nhằm tạo ra những trường đại học đẳng cấp thế giới của Pháp, cải thiện hình ảnh giáo dục đại học Pháp trong bảng xếp hạng thế giới.

Kết quả bước đầu:

6 dự án được lựa chọn đợt đầu tiên vào cuối tháng 5-2008. Tháng 7 tiếp tục đợt lựa chọn thứ hai với 4 dự án mới. Tháng 12-2009, Tổng thống Pháp công bố đầu tư tiếp 3,5 tỉ Euro “cho vay” để nâng cao năng lực cạnh tranh của các trường đại học Pháp; trong đó 1,1 tỷ Euro sẽ được phân bổ cho các trường đại học của Pháp bằng cách thông qua cạnh tranh tuyển chọn khoảng từ 5 đến 10 trường [19].

Đặc điểm chính:

Xây dựng trường đại học và các viện nghiên cứu thành một quần thể giảng dạy và nghiên cứu khoa học như một thành phố đại học khoa học hiện đại; khuyến khích các trường đại học kết hợp giữa giáo dục đại học với nghiên cứu khoa học. Dự án đầu tư lớn, phạm vi rộng, liên quan đến nhiều giảng viên, sinh viên và nhà nghiên cứu.

Vấn đề tồn tại:

Tạo ra sự phát triển không đồng đều giữa các trường đại học. Một số trường đại học không phải trọng điểm sẽ không được quan tâm đầu tư. Đề án mới được tiến hành bước đầu nên chỉ có kết quả sơ bộ, chưa có kết quả cuối cùng của dự án.

*1.7. Nga - kế hoạch “Đại học sáng tạo của Liên Bang Nga” (Innovation University of Russian Federation) [20]**Nội dung dự án:*

Lựa chọn những trường đại học có tiềm năng to lớn nhất để tập trung đầu tư xây dựng trở thành đại học đẳng cấp thế giới. Giai đoạn đầu, Nga chọn 17 trường đại học, mỗi trường đại học trong vòng 2 năm được đầu tư 1 tỉ rúp (khoảng 34 triệu USD). Giai đoạn hai,

chọn 40 trường đại học, mỗi trường đại học trong 2 năm đầu tư 1 tỉ rúp (khoảng 34 triệu USD). Năm 2009, Bộ Khoa học và Giáo dục Nga phát động cuộc cạnh tranh trở thành đại học nghiên cứu quốc gia và đưa ra một dự án tài trợ trong vòng 10 năm, mỗi năm đầu tư hỗ trợ 60 triệu USD cho những trường đại học nghiên cứu quốc gia.

Kết quả bước đầu:

Từ năm 2006 đến năm 2008, 57 trường đại học nhận được tài trợ từ Chính phủ Liên bang Nga, mỗi trường đại học nhận khoảng 34 triệu USD. Năm 2008, Đại học Nghiên cứu hạt nhân quốc gia và Đại học Khoa học-Công nghệ tại Moscow đã được trao danh hiệu đại học nghiên cứu quốc gia. Năm 2009, 12 trường đại học được trao danh hiệu đại học nghiên cứu quốc gia, trong đó có 9 trường đại học khoa học và công nghệ [21]. Trong các năm tiếp theo trường nào không giữ được danh hiệu đại học nghiên cứu quốc gia sẽ bị loại bỏ ra khỏi dự án. Nhìn chung, Dự án cung cấp nhiều cơ hội các trường đại học Nga trong nghiên cứu và phát triển, ở một mức độ nào đó đã thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của giáo dục đại học ở Nga.

Đặc điểm chính:

Sáp nhập các trường đại học ở nhiều khu vực để phát triển thành đại học nghiên cứu quốc gia. Việc xây dựng đại học nghiên cứu quốc gia theo các lĩnh vực mang tính ứng dụng, chủ yếu là đại học khoa học và công nghệ (trước đây là viện công nghệ Liên Xô). Các trường đại học thông qua cạnh tranh để được Chính phủ Liên bang tài trợ. Nga phải lựa chọn, trong số những con đường khả dĩ, một dự án tận dụng những thế mạnh đã có và những nguồn lực hiện có. Với những ảnh hưởng còn rơi rớt lại của thời Xô Viết về cơ chế quản trị và văn hóa quản lý, việc thành lập các trường đại học mới là cách tiếp cận tốt nhất của Nga trong việc phát triển giáo dục đại học.

Vấn đề tồn tại:

Cho đến nay, Nga vẫn còn là nước đầu tư tài chính cho giáo dục đại học thấp nhất so với các nước OECD và các nước khác. Với 0,7% GDP cho giáo dục đại học, mức độ chi phí cho phát triển nghiên cứu khoa học và nâng cao năng lực giảng dạy của các trường đại học quá thấp để đáp ứng bất kì tham vọng nào trong việc tranh giành vị trí đẳng cấp thế giới. Chính sách xây dựng đại học đẳng cấp thế giới không được nghiên cứu kĩ lưỡng, thiếu nghiên cứu kĩ việc xây dựng mới các trường đại học. Có xu hướng thiên về các lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng, coi nhẹ nghiên cứu khoa học cơ bản; thiếu tự do học thuật, thiếu chính sách công khai, cạnh tranh đã tạo nên rào cản đối với việc thực hiện xây dựng trường đại học đẳng cấp thế giới.

1.8. Canada - “Giáo sư chủ trì nghiên cứu xuất sắc của Canada” (Canada Excellence Research Chairs) [22]

Nội dung chính của dự án:

Hàng năm, Chính phủ Canada đầu tư 28 triệu USD cho các trường đại học trong toàn quốc để thiết lập một số nhóm nghiên cứu mạnh do 20 giáo sư nổi tiếng đứng đầu, nhằm nâng cao uy tín nghiên cứu khoa học của Canada trên phạm vi thế giới, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu phát minh sáng tạo, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm hàng hóa của Canada.

Kết quả bước đầu:

Tháng 5-2010, thành lập nhóm nghiên cứu “Giáo sư chủ trì nghiên cứu xuất sắc” đầu tiên. Mỗi giáo sư chủ trì nghiên cứu và mỗi nhóm nghiên cứu của mình nhận 10 triệu USD kinh phí tài trợ trong vòng 7 năm. Tháng 6-2011, Canada lại tuyên bố 5 năm đầu tư thêm 53,5 triệu USD cho các nhóm nghiên cứu.

Lĩnh vực trọng điểm:

Canada tập trung đầu tư vào những lĩnh vực: khoa học và công nghệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và năng lượng, khoa học và

công nghệ cuộc sống, thông tin và công nghệ truyền thông.

Vấn đề tồn tại:

Đầu tư nghiên cứu quá chú trọng nghiên cứu khoa học ứng dụng, coi nhẹ khoa học xã hội nhân văn. Đề án chỉ mới ở giai đoạn khởi đầu, chỉ có những kết quả sơ bộ, đang chờ xem kết quả cuối cùng của dự án.

2. Phân tích, đánh giá

Những điểm chung:

Trong bối cảnh của nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa, các nước đều ước mơ có được những đại học đẳng cấp thế giới. Các nước xây dựng đại học đẳng cấp thế giới rất đa dạng, nhưng tập trung vào nội dung chủ yếu sau:

- Các nước đều nhận thức rằng tri thức quyết định sự tăng trưởng kinh tế và cạnh tranh toàn cầu. Các đại học đẳng cấp thế giới giữ vai trò chủ chốt cho sự phát triển kinh tế trong nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa.

- Chính phủ các nước đều tăng đầu tư kinh phí đối với các trường đại học và viện nghiên cứu; xây dựng các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, phòng thí nghiệm hiện đại; nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học ở các trường đại học; đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học trên thế giới; nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của các trường đại học.

- Đầu tư kinh phí thực hiện dựa trên nguyên tắc “tuyển chọn và tập trung đầu tư”; chỉ đầu tư một số trường đại học trọng điểm, một số lĩnh vực nghiên cứu mũi nhọn, có tiềm năng cạnh tranh thế giới; tập trung nguồn lực lớn để nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với các đại học hàng đầu trên thế giới.

- Đi liền với việc phân bổ và sử dụng kinh phí, xuất hiện cơ chế đánh giá nghiêm túc và cơ chế kiểm toán để đảm bảo tính hiệu quả, công khai và minh bạch của việc sử dụng vốn đầu tư.

Những điểm riêng:

Ngoài những điểm chung trên, mỗi nước có một số nét riêng:

- Thực hiện dự án: Canada, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc thực hiện dự án khá chặt chẽ, đặc biệt là tập trung việc xây dựng các khoa sau đại học, nâng cao năng lực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, xây dựng mạng lưới hợp tác quốc tế, thu hút và đào tạo tài năng khoa học trẻ trên thế giới.

- Đưa vào cơ chế đánh giá của bên thứ ba: Để tuyển chọn các hạng mục nghiên cứu được đầu tư, Canada, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc sử dụng cơ chế đánh giá của bên thứ ba nhằm đảm bảo kinh phí đầu tư được hiệu quả, công khai, công bằng và minh bạch. Trong khi đó dự án của Nga và Ấn Độ, Trung Quốc không có những tiêu chuẩn tuyển chọn cụ thể, thiếu các cơ chế đánh giá hiệu quả, cơ chế giám sát kinh phí đầu tư. Dẫn đến việc lo ngại đối với sự công bằng cho các trường đại học trong việc đầu tư kinh phí, làm giảm hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư.

- Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng: Pháp, Trung Quốc rất chú trọng việc xây dựng cơ sở vật chất cho trường đại học. Các nước này không chỉ tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học mà còn quan tâm đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng của trường đại học, xây dựng một môi trường thật tốt cho việc học tập và nghiên cứu khoa học trong khuôn viên nhà trường.

- Tập trung vào đại học khoa học công nghệ: Do ảnh hưởng lợi thế truyền thống, Nga và Ấn Độ coi trọng đầu tư cho các đại học khoa học công nghệ (loại hình khoa học kỹ thuật). Dự án đại học nghiên cứu quốc gia của Nga chủ yếu tuyển chọn đại học khoa học công nghệ. Ủy ban tài trợ đại học Ấn Độ hướng việc đầu tư kinh phí cho các viện công nghệ Ấn Độ. Điều này dẫn đến sự mất cân đối đầu tư kinh phí cho các trường đại học khác.

- Xây dựng đô thị đại học: Pháp, Trung Quốc chú trọng đến xây dựng các trường đại học, các viện nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu tạo thành các đô thị đại học hiện đại. Trong khi đó, Hàn Quốc tập trung vào việc tạo ra các trường đại học chuyên môn hóa mang tính địa phương để hỗ trợ phát triển công nghiệp hóa. Nga đầu tư lớn vào việc hợp nhất các trường đại học địa phương nhằm phát triển giáo dục đại học trong từng khu vực, từ đó trở thành đại học xuất sắc cho từng địa phương và khu vực.

3. Những bài học rút ra cho Việt Nam

Nguồn nhân lực chất lượng cao tác động rất lớn đối với tăng trưởng kinh tế đã được các nhà kinh tế thừa nhận. [23] Một trong những kết luận được đưa ra là: “Những quốc gia có GDP đầu tư thấp, nếu tranh thủ các cơ hội, trong tầm dài hạn sẽ có tốc độ tăng trưởng cao và thu nhập bình quân đầu người tăng lên”. Các nhà nghiên cứu đều có chung nhận định: “Giáo dục đại học góp phần đáng kể cho tăng trưởng kinh tế và nguồn nhân lực càng có chất lượng cao thì tốc độ tăng trưởng càng ổn định và duy trì trong tầm dài hạn”.

Đối với Việt Nam, một quốc gia đang phát triển, ý thức rất rõ “nguy cơ tụt hậu”, đòi hỏi phải nhanh chóng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đòi hỏi phải “đi tắt, đón đầu” để nhanh chóng phát triển nền kinh tế theo kịp các nước trong khu vực và trên thế giới. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một chiến lược quan trọng hàng đầu của Việt Nam hiện nay, trong đó xây dựng đại học đẳng cấp thế giới là một giải pháp mang tầm chiến lược trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam. Xây dựng đại học đẳng cấp thế giới ở Việt Nam để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; làm tiền đề phát triển nền kinh tế tri thức. Xây dựng đại học đẳng cấp thế giới ở Việt Nam là một quyết tâm chiến lược của Chính

phủ Việt Nam trong giai đoạn cất cánh của nền kinh tế Việt Nam [24].

Trong thời đại nền kinh tế tri thức, cuộc chạy đua về kinh tế - xã hội giữa các nước đang hướng về cuộc đua về giáo dục đại học. Nhiều nước muốn giành vị trí tốt nhất trong thang bậc giáo dục đại học và sẵn sàng chi tiền hàng tỉ USD để có được đại học đẳng cấp thế giới, vì họ rất hiểu rất rõ tầm quan trọng của những cỗ máy sản sinh ra tri thức và đào tạo lực lượng tinh hoa của đất nước. Việt Nam không nằm ngoài cuộc đua này.

Nghiên cứu bài học xây dựng đại học đẳng cấp thế giới của các nước Canada, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc cho thấy các nước đều có dự án xây dựng đại học đẳng cấp thế giới khá đa dạng, nhưng nội dung chủ yếu vẫn là tập trung đầu tư kinh phí để đẩy nhanh khả năng nghiên cứu khoa học của các trường đại học và các viện nghiên cứu, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút nhân tài; xây dựng các trường đại học trọng điểm, rồi nâng lên trình độ đẳng cấp thế giới; từ đó nâng cao tính cạnh tranh giáo dục đại học trên phạm vi toàn cầu.

Đảng và Nhà nước ta đã thể hiện quyết tâm cao trong việc xây dựng đại học đẳng cấp thế giới. Trong điều kiện nguồn lực tài chính hạn hẹp, Việt Nam phải dựa trên nguyên tắc tuyển chọn đúng và đầu tư lớn, tập trung đầu tư vào những đại học hàng đầu, những lĩnh vực nghiên cứu mũi nhọn, có tiềm năng cạnh tranh thế giới. Tập trung đầu tư xây dựng một số bộ môn, một số phòng thí nghiệm, một số khoa, một số trường đại học đạt chuẩn thế giới. Chú trọng đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo tiến sĩ của Việt Nam đạt chuẩn thế giới. Có chính sách đãi ngộ đúng đắn để thu hút các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, những nhà khoa học nước ngoài đến làm việc tại các trường đại học. Có cơ chế đánh giá và cơ chế kiểm toán để đảm bảo sử dụng nguồn vốn đầu tư thật hiệu quả, công khai, minh bạch.

Một vấn đề quan trọng còn lại là cần xây dựng một lộ trình cụ thể, có những dự án đầy táo bạo như các dự án của các nước và triển khai phải quyết liệt để làm bộ phận cho giáo dục đại học Việt Nam vươn lên sánh ngang tầm những nền giáo dục hàng đầu trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

- [1] 刘念才; Sadlak, J. 世界一流大学: 特征·排名·建设[M]. 上海: 上海交通大学出版社, 2007: 3.
- [2] 中央教育科学研究所. 中华人民共和国教育大事记(1949—1982)[M]. 北京: 教育科学出版社, 1984: 510
- [3] Anonymous. 21st Century COE Program [EB/OL]. Japan Society for the Promotion of Science Website. (s. d.) [04-01-2013]. <http://www.jsps.go.jp/english/e-21coe/index.html>; Anonymous. Global Century COE Pro-gram [EB/OL]. Japan Society for the Promotion of Science Website. (s. d.) [06-02-2013]. <http://www.jsps.go.jp/english/e-globalcoe/index.html>.
- [4] 杨栋梁. 日本推行高等教育改革的新举措——《21世纪CEO计划》评述[J]. 日本学刊, 2003 (5) : 122. 1.
- [5] 方勇. 日本COE计划及其对我国的启示 [EB/OL]. 科学网. (21-09-2010) [17-04-2013]. <http://news.sciencenet.cn/htmlnews/2009/9/223567.shtm>.
- [6] Korea Research Foundation, BK21-NURI Committee. A-bout Brain Korea 21 [EB/OL]. BK21-NURI Committee Website.s. d.) [11-04-2013]. <http://bnc.krf.or.kr?home/eng/bk21/aboutbk21.jsp>.
- [7] 付艳. 韩国“BK21计划”初探[J]. 江西教育, 2008 (10A) : 41.
- [8] 徐小洲, 郑英蓓. 韩国的世界一流大学发展计划: BK21工程[J]. 高等工程教育研究, 2006 (6) : 102, 103.
- [9] Planning Commission Government of India. Eleventh Five Year Plan 2007-12 (Volume I] Social Sector) [M]. New Delhi : Oxford University Press, 2008 : 22-27.
- [10] Mehrotra, S. 印度高等教育: 是该认真反思的时候了 [EB/OL]. 上海交通大学高等教育研究院, 译. 上海交通大学高等教育研究院网. (19-10-2010) [11-03-2013]. <http://gse.sjtu.edu.cn/jihe/vol2issue3/3.html>.
- [11] Anonymous. ‘World-class University’ or ‘Innovation University’: Visakhapatnam Fails to Take Off Yet [EB/OL]. C2clive Net Website. 14-09-2010) [12-04-2013]. <http://www.c2clive.com/latestnewsdetail.php?id=2665>.
- [12] Choudaha, R. From Where I Sit-World-class Aims Demand Quality [EB/OL]. The Times Higher Education Website. (14-10-2010) [2013-04-14]. <http://www.time-shighereducation.co.uk/story.asp?storycode=413829>.
- [13] Deutsche Forschungsgemeinschaft. Exzellenzinitiative [EB/OL]. Das Deutsche Forschungsgemeinschaft Videportal zur. (s. d.) [04-04-2013]. <http://www.exzellenzinitiative.de/>.
- [14] 张帆. 卓越计划: 世界一流大学建设的德国模式 [J]. 大学·研究与评价, 2008 (2) : 94.
- [15] 孔捷. 从平等到卓越——德国大学卓越计划评析[J]. 现代大学教育, 2010 (3) : 53.
- [16] 希默尔拉特, 久何为理想大学之二: 变革中的德国大学[EB/OL]. 贾枝平, 译. 经济观察网. (01-09-2011) [05-02-2013]. <http://www.eeo.com.ch/2011/0901/210149.shtml>
- [17] Marshall, J. FRANCE: First super-campuses chosen [EB/OL]. University World News Website. (15-06-2008) [02-04-2013]. <http://www.universityworldnews.com/article.php?story=20080613092922742>; Marshall, J. FRANCE: More super-campuses announced [EB/OL]. University World News Website. (20-07-2008) [02-02-2013]. <http://www.universityworldnews.com/article.php?story=20080717164201410>.
- [18] 佚名. 法国推出校园计划打造世界一流大学 [EB/OL]. 星岛环球网. (03-09-2008) [2013-01-03].

- <http://www.stnn.cc/emigration/200809/t20080903-858024.html>.
- [19] Munnich, A. 法国计划壮大大学科研力量 [EB/OL]. 科学网. (10-07-2010) [04-02-2013].
<http://news.sciencenet.cn/htmlnews/2010/7/234371.shtm>.
- [20] 刘念才, Jan Sadlak. 世界一流大学: 战略·创新·改革 [M]. 上海: 上海交通大学出版社, 2009: 142.
- [21] Smolentseva, 人创建世界一流大学: 俄罗斯的案例 [EB/OL]. 上海交通大学高等教育研究院, 译. 上海交通大学高等教育研究院网. (18-09-2010) [14-01-2013].
<http://gse.sjtu.edu.cn/jihe/vol3issuel/13.html>.
- [22] Anonymous, Canada Excellence Research Chairs Program: Overview [EB/OL]. Government of Canada Website. (16-12-2011) [29-03-2013].
<http://www.cerc.gc.ca/cpov-pcap-eng.shtml>.
- [23] Solow, P. Lucas, P. Romer những nhà kinh tế học Hoa Kỳ được nhận giải thưởng Nobel.
- [24] Chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo giai đoạn 2011-2020 của Việt Nam.

The Experience of 8 Countries in Building World-Class Universities and Lessons for Vietnam

Đinh Ái Linh

*Vietnam National University Hồ Chí Minh City, Quarter 6,
Linh Trung Ward, Thủ Đức District, Hồ Chí Minh City, Việt Nam*

Abstract: Researching the experience of 8 countries such as Canada, France, Germany, Japan, Korea, Russia, India and China in building world-class universities shows that these countries have all got the relatively diverse plans on building the world-class universities, but the main content still focuses mainly on funding to boost rapidly the capabilities of scientific researches of universities and the research institutes, on training high quality human resources and attracting talented people; on building the key universities and then raising them to the world-class universities; and from here, to raise the competitiveness in university education on the global scale.

Keywords: The experience of 8 countries; World-class University, Building World-class Universities.